

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt và ban hành dạng thức đề thi môn tiếng Anh
đối với tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 1 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành dạng thức đề thi môn Tiếng Anh đối với tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên. Dạng thức đề thi môn tiếng Anh đính kèm quyết định này.

Điều 2. Dạng thức đề thi môn Tiếng Anh ghi ở Điều 1 được áp dụng từ kì thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên năm 2022 trở đi.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo, các Thủ trưởng đơn vị thành viên thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: AM
- Ban GD (báo cáo);
- Như điều 3 (th/h);
- Lưu VT, ĐT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Công
PGS.TS. Nguyễn Hữu Công

DẠNG THỨC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Môn thi: TIẾNG ANH

Theo dạng thức của bài thi tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP 3-5) dùng cho các ngành đào tạo không chuyên chuyên ngôn ngữ nước ngoài.

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 387/QĐ-ĐHTN ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Bài thi	Thời gian	Số câu hỏi/nhiệm vụ bài thi	Dạng câu hỏi/nhiệm vụ bài thi
Nghe hiểu	Khoảng 40 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	3 phần, 35 câu hỏi đa lựa chọn (MCQ)	Thí sinh nghe các đoạn trao đổi ngắn, hướng dẫn, thông báo, các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện, bài giảng, sau đó trả lời câu hỏi đa lựa chọn (MCQ) đã in sẵn trong đề thi.
Đọc hiểu	60 phút, bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời.	4 bài đọc, 40 câu hỏi đa lựa chọn	Thí sinh đọc 4 văn bản về các vấn đề khác nhau, độ khó của văn bản tương đương bậc 3 - 5 với tổng số từ dao động từ 1900 - 2050 từ. Thí sinh trả lời các câu hỏi đa lựa chọn sau mỗi bài đọc.
Viết	60 phút	2 bài viết	<i>Bài 1:</i> Viết một bức thư/thư điện tử có độ dài khoảng 120 từ. Bài 1 chiếm 1/3 tổng số điểm của bài thi Viết. <i>Bài 2:</i> Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ về một chủ đề cho sẵn, sử dụng kiến thức và trải nghiệm của mình để minh họa cho các lập luận. Bài 2 chiếm 2/3 tổng số điểm của bài thi Viết.
Nói	12 phút	3 phần: - Tương tác xã hội - Thảo luận giải pháp - Phát triển chủ đề	<i>Phần 1:</i> Tương tác xã hội Thí sinh trả lời 3 - 6 câu hỏi về 2 chủ đề khác nhau. <i>Phần 2:</i> Thảo luận giải pháp Thí sinh được cung cấp một tình huống và 3 giải pháp đề xuất. Thí sinh phải đưa ra ý kiến về giải pháp tốt nhất trong 3 giải pháp được đưa ra và phân biện các giải pháp còn lại. <i>Phần 3:</i> Phát triển chủ đề Thí sinh nói về một chủ đề cho sẵn, có thể sử dụng các ý được cung cấp sẵn hoặc tự phát triển ý của riêng mình. Phần 3 kết thúc với một số câu hỏi thảo luận về chủ đề trên.



Am

BẢNG ĐIỂM QUY ĐỔI

Điểm trung bình cả 4 kỹ năng (Nghe - Đọc - Viết - Nói)	Bậc năng lực	Mô tả tổng quát
0 - 3,5	Không xét	Không có mô tả
4,0 - 5,5	3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng ngôn ngữ. Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.
6,0 - 8,0	4	Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên đạt đến mức các giao tiếp thường xuyên này với người bản ngữ không gây khó khăn cho cả hai bên. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết về nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề có tính thời sự, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
8,5 - 10	5	Có thể hiểu nhiều loại văn bản khó, dài, và nhận biết được hàm ý. Có thể diễn đạt lưu loát, tức thì và không thể hiện rõ rệt việc phải tìm từ ngữ diễn đạt. Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện khả năng sử dụng có kiểm soát các kiểu tổ chức văn bản, sử dụng tốt các liên từ, và các phương tiện liên kết.



Am